

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HS-PT

Ngày: 28-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Dương Phát – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Ông Lê Văn Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 176/2020/TLPT-HS ngày 16 tháng 12 tháng 2020 do có kháng cáo của các bị cáo Trần Duy T, Cao Minh H, Huỳnh Dương Gia B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2020/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ **Trần Duy T**, sinh ngày 16 tháng 5 năm 1989, tại Long An. Nơi cư trú: Khu vực 2, thị trấn H1, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 11/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quý R, sinh năm 1963 và bà Trần Thị V, sinh năm 1964; bị cáo có vợ tên Ung Thị Kim K, sinh năm 1991 và 01 con chung sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06 tháng 02 năm 2020 đến ngày 01 tháng 9 năm 2020 được thay thế bằng biện pháp cho gia đình bảo lãnh, có mặt.

2/ **Cao Minh H**, sinh năm 1973, tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp H2, xã H1, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 05/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Minh T1 (chết) và bà Nguyễn Thị D (chết); bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Kim G, sinh năm 1980 và 02 con chung sinh năm 2000 và sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang tại ngoại, có mặt.

3/ **Huỳnh Dương Gia B** (Tên gọi khác: BB), sinh năm 1999, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: ấp H2, xã H1, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T2, sinh năm 1976 và bà Dương Thị C, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện L2, tỉnh Long an xử phạt 06 năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2020/HS-ST ngày 10, 16 tháng 9 năm 2020; bị cáo đang chấp hành án, có mặt.

Ngoài ra, có 02 bị cáo là Đàm Duy L, Vũ Duy H3 không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị, không triệu tập.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo hoặc không liên quan đến kháng cáo không triệu tập đến phiên tòa:

1/ Chị Dương Thị B1, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp H2, xã H1, huyện Đ, tỉnh Long An.

2/ Anh Nguyễn Mạnh H4, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 58/8, đường S, khu phố 4, phường K1, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Chị Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 59E, đường Nguyễn D1, phường T4, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Anh Cai Tấn B2, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 157/89, đường D2, Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Anh Chu Tiến C1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số A13.10, chung cư G1, số 31, đường P1, phường Đ1, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Chị Nguyễn Thị Hoàng A, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 74, đường Đ2, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Anh Ngô Văn T5, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 230/32 đường C2, Phường 13, quận B3, Thành phố Hồ Chí minh.

8/ Anh Trần Khánh T6, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 55, đường số 16, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

1/ Anh Nguyễn Hữu Phương K2, sinh năm 1994

2/ Chị Lương Thị Kim P2, sinh năm 1997

3/ Anh Ngô Thành T5, sinh năm 1994

4/ Chị Dương Thị C, sinh năm 1972

5/ Anh Huỳnh Thanh T7, sinh năm 1984

6/ Anh Sơn H5, sinh năm 1999

7/ Chị Lê Kim T8, sinh năm 1992

8/ Anh Mai Thanh L1, sinh năm 1986

9/ Anh Huỳnh Tuấn K3, sinh năm 1990

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 6 năm 2019, Dương Thị B1, sinh năm 1967, hộ khẩu thường trú: Ấp H2, xã H1, huyện Đ, tỉnh Long An, thuê Trần Duy T trực tiếp điều hành hoạt động mua bán, vận chuyển thuốc lá điều ngoại nhập lậu cho B1 để thu lợi nhuận tiêu xài cá nhân. Thuốc lá điều ngoại nhập lậu do B1 mua ở khu vực biên giới giáp ranh Cam thuộc xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An và vận chuyển đi giao bán ở thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Thuận, tùy theo nhu cầu của người mua. Nhiệm vụ của T là liên hệ tìm thuê xe ô tô, thuê người lái xe và sắp xếp việc nhận thuốc lá điều ngoại nhập lậu, điều hành người vận chuyển đi giao cho các đầu mối tiêu thụ. Hàng ngày khi có hoạt động mua bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu thì B1 liên hệ thỏa thuận với khách hàng xong và thông báo cho T biết để sắp xếp người lái xe đi nhận và vận chuyển đi giao bán. T được B1 trả tiền công 1.000.000 đồng/ngày. Khi có giao dịch mua bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu. Tiền thuê người lái xe do B1 trực tiếp thanh toán theo từng chuyến tùy theo đầu mối giao thuốc lá điều ngoại nhập lậu gần hoặc xa. Xe ô tô vận chuyển thuốc lá điều ngoại nhập lậu do T thuê và B1 chỉ trả tiền thuê xe.

Khoảng 21 giờ ngày 06 tháng 8 năm 2019, thực hiện giao dịch mua bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu của Dương Thị B1, T thuê và sắp xếp cho xe ô tô biển số 51A-739.35 (gắn biển số giả 51G-819.89) và xe ô tô biển số 51D-132.96 (gắn biển số giả 51D-203.97) để vận chuyển thuốc lá điều ngoại nhập lậu đi giao bán. T sắp xếp và giao xe ô tô biển số 51D -132.96 cho Huỳnh Dương Gia B điều khiển xe, người có tên N không rõ nhân thân lai lịch làm phụ xe, chở 15.600 bao (gói) thuốc lá điều ngoại nhập lậu, trong đó gồm có: 10.800 bao hiệu Scott, 1.800 bao hiệu Hero, 3.000 bao hiệu Jet, để vận chuyển đi giao bán cho người có tên T11 không rõ nhân thân lai lịch ở thành phố P4, tỉnh Bình Thuận. Số thuốc lá điều ngoại nhập lậu này có sẵn trong kho nhà Dương Thị B1 và do Cao Minh H đem thuốc từ nhà kho chất vào trong xe ô tô biển số 51D-132.96. Đối với xe ô tô biển số 51A-739.35 do Đàm Vũ L điều khiển chở 14.400 bao (gói) thuốc lá điều ngoại nhập lậu hiệu Jet từ khu vực biên giới thuộc xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An về nhà Dương Thị B1 chờ T sắp xếp đi giao bán. Khi xe ô tô biển số 51D -132.96 và xe ô tô biển số 51A-739.35 đang đậu trong khuôn viên nhà Dương Thị B1 có sẵn số thuốc lá điều ngoại nhập lậu trong xe chưa kịp vận chuyển đi giao bán thì lúc này lực lượng Công an tỉnh Long An phát hiện bắt quả tang tạm giữ xe và vật chứng là số thuốc lá điều ngoại nhập lậu nêu trên để điều tra xử lý. Riêng đối với Huỳnh Dương Gia B, N, Đàm Vũ L, Trần Duy T, bỏ chạy thoát thân. Lực lượng Công an đã tiến hành thu giữ các vật chứng sau:

1. 01 xe ô tô biển số 51A-739.35, gắn trùm bên ngoài hai biển số xe ô tô giả 51G-819.89 và các đồ vật, tài liệu bên trong xe gồm có: 14.400 bao (gói) thuốc lá điều ngoại nhập lậu hiệu Jet; 01 hóa đơn kiểm định xe ô tô số 0002423 của Công ty cổ phần đăng kiểm B4; 01 bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51A-739.35; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số 005214837; 01 biên lai thu phí sử dụng đường bộ ngày 11/6/2019 của Công ty cổ phần đăng kiểm B4; 01 giấy biên nhận thể chấp số 27/2019/BNTC của Ngân hàng Sacombank chi nhánh N1; 01 ly nhựa có nắp đậy; 01 ống hút nhựa màu xanh (có niêm phong); 02 chai nhựa hiệu HT-ONE; 01 lọ nhựa màu xanh (có niêm phong); 01 đầu gạt cần số được tháo rời từ xe ô tô (có niêm phong); 01 giấy chứng nhận kiểm định số KC8745264.

2. 01 xe ô tô biển số 51D-132.96, gắn trùm bên ngoài hai biển số xe ô tô giả 51D-203.97 và các đồ vật, tài liệu bên trong xe gồm có: 15.600 bao (gói) thuốc lá điều ngoại nhập lậu, trong đó gồm có: 10.800 bao hiệu Scott, 1.800 bao hiệu Hero, 3.000 bao hiệu Jet; 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng B2 họ tên Ngô Trọng H6; 01 giấy đăng ký xe mô tô (chữ viết nước ngoài); 01 hóa đơn số 0005676 của Công ty TNHH cơ khí xây dựng và thương mại T9; 01 hộp kim loại màu xanh ghi nhãn hiệu Doublemint, bên trong có: một túi nhựa chứa chất bột màu trắng, một túi nhựa chứa tinh thể dạng viên màu trắng, một viên dạng nén (có niêm phong); 01 bóp da màu nâu; 03 tờ tiền nước ngoài; 03 bản sao công chứng giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận B hiểm tự nguyện, 01 sổ bảo hành, 01 giấy chứng nhận kiểm định, của xe ô tô biển số 51D-132.96; 01 giấy biên nhận thể chấp số 0218.1/2017/BN-Hàm Nghi ngày 18/12/2018 của Ngân hàng OCB P3- PGD- Hàm Nghi; 01 hợp đồng cho thuê xe tự lái ngày 11/3/2019; 01 biên bản bàn giao xe ngày 31/5/2017; 01 bản quyết toán kiêm biên bản bàn giao xe ngày 23/5/2018; Một hợp đồng cho thuê xe ngày 11/12/2018; Một bản quyết toán kiêm biên bản bàn giao xe ngày 22/9/2018; 01 giấy biên nhận thể chấp số 0218.1/2017/BN-Hàm Nghi ngày 22/01/2018 của Ngân hàng OCB P3- PGD- Hàm Nghi; 01 thiết bị và dây sạc điện thoại (có niêm phong); 01 chai nhựa hiệu Aquafina và bọc nilon màu hồng (có niêm phong); 01 bao thuốc lá hiệu 555 đã bóc gỡ và một hộp quẹt ga màu đỏ (có niêm phong); 01 ly nước và 01 ống hút dạng kim loại (có niêm phong); 01 túi da màu nâu.

Khoảng 16 giờ ngày 29 tháng 12 năm 2019, Trần Duy T sắp xếp giao xe ô tô biển số 51F-019.26 cho Đàm Vũ L điều khiển xe đến khu vực biên giới thuộc xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An nhận thuốc lá điều ngoại nhập lậu vận chuyển đi giao bán ở tỉnh Đồng Nai, Vũ Duy H3 làm phụ xe hỗ trợ canh giới canh đường và điều khiển xe trên đường về. Sau đó, L điều khiển xe ô tô biển số 51F-019.26 chở H3 đến khu vực biên giới nhận 15.600 bao (gói) thuốc lá điều ngoại nhập lậu, trong đó gồm có: 1.800 bao hiệu Hero, 13.800 bao hiệu Jet, vận chuyển đi đến khu vực ấp B5, xã Đ Hạ, huyện Đ, tỉnh Long An, thì bị lực lượng Công an tỉnh Long An kiểm tra phát hiện bắt quả tang tạm giữ L, H3 cùng vật chứng để điều tra xử lý. Lực lượng Công an đã tiến hành thu giữ các

vật chứng sau: 01 xe ô tô biển số 51F-019.26 và các đồ vật, tài liệu bên trong xe gồm có: 15.600 bao (gói) thuốc lá điều ngoại nhập lậu, trong đó gồm có 1.800 bao hiệu Hero và 13.800 bao hiệu Jet; Một chứng minh nhân dân họ tên Đàm Vũ L; Một bản sao công chứng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm kết hợp xe cơ giới, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện, 01 giấy chứng nhận kiểm định, của xe ô tô biển số 51F-019.26; Một giấy biên nhận thể chấp số 027A/BIDV.HCM-GBN ngày 27/11/2018 của Ngân hàng BIDV; Một giấy phép lái xe hạng A1, B2 họ tên Đàm Vũ L; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3310 màu đen, viền màn hình màu trắng; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu SamSung, màu đen; Tiền Việt Nam 4.500.000 đồng; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng C họ tên Vũ Duy H3; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106, màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 6S plus, màu vàng đồng.

Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra Trần Duy T, Huỳnh Dương Gia B, Đàm Vũ L, Vũ Duy H3, Cao Minh H, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

Ngoài ra, khi lực lượng Công an bắt giữ quả tang xe ô tô biển số 51D-132.96 đang chở thuốc lá ngoại bên trong khuôn viên nhà Dương Thị B1 ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại ấp H2, xã H1, huyện Đ, tỉnh Long An đã thu giữ được 01 hộp kim loại màu xanh ghi nhãn hiệu Doublemint, bên trong có: 01 túi nhựa chứa chất bột màu trắng, 01 túi nhựa chứa tinh thể dạng viên màu trắng, 01 viên dạng nén màu xanh, nghi là chất ma túy nên tiến hành niêm phong và trưng cầu giám định chất ma túy để xử lý.

Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, Huỳnh Dương Gia B khai nhận như sau: trước ngày 06 tháng 8 năm 2019 khoảng 01 tháng, B cùng với Trần Duy T đi thành phố Hồ Chí Minh chơi và T nhờ người bạn của T không rõ họ tên, địa chỉ mua chất ma túy vào quán hát karaoke không nhớ tên và địa chỉ để ba người cùng nhau sử dụng. Sau đó, còn lại số ma túy trên T kêu B cất giữ để sử dụng nên B bỏ vào trong túi xách da B thường mang trên người rồi đem về cất trong phòng ngủ nhà của B tại ấp H2, xã H1, huyện Đ, tỉnh Long An. Đến ngày 06 tháng 8 năm 2019, T kêu B đi vận chuyển thuốc lá ngoại và B đem túi xách có chứa chất ma túy để ở vị trí trên táplô trước ghế ngồi lái của xe ô tô biển số 51D -132.96 định đem theo để sử dụng nhưng chưa sử dụng thì bị lực lượng Công an kiểm tra tạm giữ quả tang. Riêng Trần Duy T khai nhận không biết nguồn gốc số chất ma túy B cất giữ bị bắt quả tang do đâu B có được.

Quá trình điều tra xác định:

Xe ô tô biển số 51A-739.35 do ông Cai Tấn B2, sinh năm 1973, hộ khẩu thường trú: số 157/89, đường D2, phường 1, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, đứng tên đăng ký chủ quyền. Ngày 01/6/2019, ông B2 cho ông Chu Tiến C1, sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú: A13.10 chung cư G1, số 31, đường P1, phường Đ1, quận B3, thành phố Hồ Chí Minh, thuê xe tự lái thời hạn từ ngày 01/6/2019 đến ngày 01/01/2020. Đến ngày 04/8/2019, ông C1 cho Trần Duy T

thuê xe tự lái (T nhờ người không nhớ cụ thể là ai ký hợp đồng thuê xe lấy tên giả là Nguyễn Minh H, địa chỉ: phường A1, thành phố B6, tỉnh Đồng Nai), thời hạn thuê là 10 ngày từ ngày 04/8/2019 đến ngày 14/8/2019. Ông B2 và ông C1 không biết việc T thuê xe này để vận chuyển thuốc lá điều ngoại nhập lậu.

Xe ô tô biển số 51D-132.96 do bà Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm: 1988, hộ khẩu thường trú: số 36, đường V1, phường S1, quận P, thành phố Hồ Chí Minh, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH B hộ lao động N2, địa chỉ: số 59E, đường Nguyễn D1, phường T4, quận P, thành phố Hồ Chí Minh, đứng tên đăng ký chủ quyền. Ngày 26/4/2019, bà T3 ký hợp đồng cho ông Nguyễn Mạnh H4, sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú: số 58/8, đường S, phường K1, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh thuê xe ô tô biển số 51D-132.96 tự lái. Ngày 10/7/2019, ông H4 ký hợp đồng cho Trần Duy T thuê lại xe ô tô biển số 51D-132.96 để tự lái. Bà T3 và ông H4 không biết việc T thuê xe này để vận chuyển thuốc lá điều ngoại nhập lậu.

Chủ sở hữu hợp pháp của xe ô tô biển số 51F-019.26 là bà Nguyễn Thị Hoàng A, sinh năm 1978, hộ khẩu thường trú: số 74, đường Đ2, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (bà A nhận ủy quyền từ chồng là ông Trương Trọng T10). Ngày 04/7/2019, bà A ký hợp đồng cho ông Ngô Văn T5, sinh năm 1982, hộ khẩu thường trú: số 230/32, đường C2, phường 13, quận B7, thành phố Hồ Chí Minh thuê để kinh doanh vận tải khách. Ông T5 gửi xe ô tô biển số 51F-019.26 tại khu giữ xe của ông Trần Khánh T6, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: số 55, đường số 16, phường 4, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 21/12/2019, ông T6 hỏi ý kiến ông T5 về việc cho thuê lại xe, ông T5 đồng ý nên ông T6 ký hợp đồng cho Đàm Vũ L thuê xe ô tô biển số 51F-019.26 để kinh doanh vận tải khách nhưng L khai trong hợp đồng tên Nguyễn Văn H7. Bà A, ông T5 và ông T6 không biết việc L thuê xe này để vận chuyển thuốc lá điều ngoại nhập lậu.

Trần Duy T khai nhận đã tham gia điều hành, phân công người lái xe vận chuyển để buôn bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu cho Dương Thị B1 từ 15 đến 20 lần, không nhớ số lượng, hiệu thuốc lá điều ngoại nhập lậu đã vận chuyển để buôn bán, nhận tiền công do B1 trả tổng cộng khoảng 20.000.000 đồng chưa giao nộp lại.

Đàm Vũ L khai nhận đã tham gia vận chuyển thuốc lá điều ngoại nhập lậu do T điều hành được 07 lần, không nhớ số lượng, hiệu thuốc lá đã vận chuyển, đã nhận tiền công vận chuyển 04 lần với số tiền tổng cộng 6.000.000 đồng và đã chia cho Vũ Duy H3 1.500.000 đồng, còn lại 4.500.000 đồng bị thu giữ chờ xử lý.

Vũ Duy H3 khai nhận đã cùng với Đàm Vũ L tham gia vận chuyển thuốc lá điều ngoại nhập lậu do T điều hành được 3 lần, không nhớ số lượng, hiệu thuốc lá đã vận chuyển, nhận được tiền công do L chia 1.500.000 đồng chưa giao nộp lại.

Huỳnh Dương Gia B khai nhận đã tham gia vận chuyển thuốc lá điều ngoại nhập lậu do T điều hành được 3 lần, không nhớ số lượng, hiệu thuốc lá đã vận chuyển, nhận được tiền công 3.000.000 đồng chưa giao nộp lại.

Cao Minh H khai nhận đã tham gia chất thuốc lá điều ngoại nhập lậu lên xe ô tô do T điều hành được 4 lần, không nhớ số lượng, hiệu thuốc lá đã chất lên xe, nhận được tiền công 200.000 đồng đã giao nộp lại xong.

Tại bản kết luận giám định số 4112/C09B ngày 15 tháng 9 năm 2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Viện khoa học hình sự, kết luận các chất nghi là chất ma túy thu giữ trong xe ô tô biển số 51D - 132.96 do Huỳnh Dương Gia B cất giấu, như sau:

- Chất bột màu trắng đựng trong 01 túi nhựa là chất ma túy loại Ketamine, có khối lượng 0,4759 gam.

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nhựa là chất ma túy loại Ketamine, có khối lượng 0,8279 gam.

- 01 viên nén màu xanh là chất ma túy loại MDMA, có khối lượng 0,1878 gam.

Tại Công văn số 35 ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệp hội thuốc lá Việt Nam kết luận: mẫu thuốc lá nhãn hiệu Hero, Jet và Scott do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Long An cung cấp là thuốc lá điều ngoại nhập lậu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2019/HSST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Duy T, Đàm Vũ L, Vũ Duy H3, Cao Minh H, Huỳnh Dương Gia B phạm tội “Buôn bán hàng cấm” và bị cáo Huỳnh Dương Gia B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Trần Duy T 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Nhưng có khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 06 tháng 02 năm 2020 đến ngày 02 tháng 9 năm 2020.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Đàm Vũ L 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Nhưng có khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 30 tháng 12 năm 2019 đến ngày 01 tháng 9 năm 2020.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Vũ Duy H3 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tiếp tục tạm giam bị cáo Vũ Duy H3 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29 tháng 9 năm 2020) để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Cao Minh H 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Dương Gia B 08 (tám) năm tù.

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Dương Gia B 01 (một) năm tù.

Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Buộc bị cáo Huỳnh Dương Gia B chấp hành chung cho hai tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, thi hành án đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 08/10/2020 bị cáo Trần Duy T và bị cáo Huỳnh Dương Gia B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/10/2020 bị cáo Cao Minh H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Duy T, Cao Minh H, Huỳnh Dương Gia B đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Buôn bán hàng cấm” và bị cáo Huỳnh Dương Gia B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng, không oan.

Bị cáo Trần Duy T trình bày: Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 năm tù là quá nặng, bản thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự; thật thà khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi của mình; hoàn cảnh gia đình của bị cáo hiện nay rất khó khăn, cha mẹ già yếu, con thì còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình; bị cáo bị bệnh hạch lao đang điều trị nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Cao Minh H trình bày: Mức án mà Tòa án sơ thẩm xử phạt bị cáo 05 năm tù là quá nặng so với hành vi của bị cáo gây ra; hoàn cảnh bị cáo hiện nay rất khó khăn, bản thân bị cáo đang bị bệnh, đang làm thuê để nuôi vợ cũng đang bị bệnh, con thì còn nhỏ, nên đề nghị được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Bị cáo Huỳnh Dương Gia B trình bày: Hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về tố tụng: Các bị cáo Trần Duy T, Cao Minh H, Huỳnh Dương Gia B thực hiện kháng cáo đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo Trần Duy T, Cao Minh H, Huỳnh Dương Gia B tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Trần Duy T, Cao Minh H, Huỳnh Dương Gia B phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 và bị cáo Huỳnh Dương Gia B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng, không oan. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội 2 lần trở lên là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khai ra những lần phạm tội trước. Gia đình bị cáo T có người thân có công với Cách mạng. Bị cáo H và B đã nộp lại tiền thu lợi bất chính. Riêng bị cáo B có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng:

Đối với bị cáo Trần Duy T: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 năm tù. Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài những tình tiết mà cấp sơ thẩm áp dụng nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Cao Minh H: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 54 xử phạt bị cáo 05 năm tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Bị cáo kháng cáo có cung cấp hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra nên bị cáo yêu cầu giảm nhẹ và hưởng án treo là không có căn cứ.

Đối với bị cáo Huỳnh Dương Gia B: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 08 năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm” và 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo kháng cáo có cung cấp hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng

tình tiết này cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo và mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là mức thấp nhất của khung hình phạt, bị cáo kháng cáo nhưng không bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo B.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2019/HSST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An và hình phạt đối với các bị cáo. Đối với bị cáo B đang chấp hành hình phạt tù của Bản án số 85/2020/HS-ST ngày 10,16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L2, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 tổng hợp hình phạt để bị cáo B chấp hành hình phạt chung của 2 bản án. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Trần Duy T, Cao Minh H, Huỳnh Dương Gia B kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Các bị cáo Trần Duy T, Cao Minh H, Huỳnh Dương Gia B khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước phiên tòa phúc thẩm, thể hiện: Vào đầu tháng 6 năm 2019 đến ngày 29 tháng 12 năm 2019, Trần Duy T điều hành hoạt động buôn bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu. Cụ thể nhiệm vụ của bị cáo T là tìm thuê xe ô tô, thuê người lái xe và sắp xếp việc nhận mua thuốc lá điều ngoại nhập lậu ở khu vực biên giới giáp ranh Cam thuộc xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An và vận chuyển đi giao bán ở thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Thuận, tùy theo nhu cầu của người mua. Vào ngày 06/8/2019 và ngày 29/12/2019, bị cáo T sắp xếp cho các bị cáo Đàm Vũ L, Vũ Duy H3, Huỳnh Dương Gia B điều khiển xe ô tô vận chuyển tổng cộng 45.600 bao (gói) thuốc lá điều ngoại nhập lậu các loại đi giao bán và bị lực lượng công an bắt quả tang. Ngoài ra, khi lực lượng Công an bắt giữ quả tang thuốc lá điều ngoại nhập lậu còn phát hiện và thu giữ quả tang chất ma túy của B với khối lượng 1,3038 gam loại Ketamine và 0,1878 gam loại MDMA, B cất giấu trong túi da để trong xe ô tô biển số 51D -132.96 nhằm mục đích sử dụng. Kết quả điều tra xác định bị cáo T thu lợi bất chính tổng cộng 20.000.000 đồng, bị cáo L thu lợi bất chính 4.500.000 đồng, bị cáo B thu lợi bất chính 3.000.000 đồng, bị cáo H3 thu lợi bất chính 1.500.000 đồng, bị cáo H thu lợi bất chính 200.000 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo Trần Duy T,

Đàm Vũ L, Vũ Duy H3, Cao Minh H, Huỳnh Dương Gia B có đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và hành vi của bị cáo Huỳnh Dương Gia B cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo: Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: Trong quá trình điều tra các bị cáo còn khai nhận như Trần Duy T khai nhận đã tham gia điều hành, phân công người lái xe vận chuyển để buôn bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu cho Dương Thị B1 từ 15 đến 20 lần; Đàm Vũ L khai nhận đã tham gia vận chuyển thuốc lá điều ngoại nhập lậu do T điều hành được 07 lần; Vũ Duy H3 khai nhận đã cùng với Đàm Vũ L tham gia vận chuyển thuốc lá điều ngoại nhập lậu do T điều hành được 03 lần; Cao Minh H khai nhận đã tham gia chất thuốc lá điều ngoại nhập lậu lên xe ô tô do T điều hành được 4 lần; Huỳnh Dương Gia B khai nhận đã tham gia vận chuyển thuốc lá điều ngoại nhập lậu do T điều hành được 03 lần. Như vậy, các bị cáo đều phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, án sơ thẩm nhận định các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng áp dụng tình tiết tăng nặng trong phần quyết định là thiếu sót trong phân nhận định nên cần rút kinh nghiệm.

[3.1] Đối với bị cáo Trần Duy T: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trước khi phạm tội bị cáo được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Long An tặng giấy khen; có khai ra những lần phạm tội trước; gia đình bị cáo có công với Cách Mạng, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 09 năm tù. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy: mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng nên bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị Trần Duy T như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp.

[3.2] Đối với bị cáo Cao Minh H: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: bị cáo không có tiền án, tiền sự; có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có khai ra những lần phạm tội trước; đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt Bị cáo H và xử phạt bị cáo 05 năm tù. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Xét thấy: Bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo B đem thuốc lá

nhập lậu lên xe, số tiền bị cáo thu lợi bất chính không lớn nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 54 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo bổ sung hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn là lao động chính trong gia đình, bản thân bị bệnh nên có xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt theo yêu cầu của bị cáo. Đối với mức hình phạt áp dụng cho bị cáo xét thấy không đủ điều kiện cho bị cáo hưởng án treo theo quy định Điều 65 bộ luật Hình sự, nên không chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo theo yêu cầu của bị cáo. Do đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Cao Minh H là có căn cứ.

[3.3] Đối với bị cáo Huỳnh Dương Gia B: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có khai ra những lần phạm tội trước; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế được chính quyền địa phương xác nhận, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 08 năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm” và 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo gây ra và cũng là mức khởi điểm của khung hình phạt. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Dương Gia B như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2020/HS-ST ngày 10,16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L2 đã xử phạt bị cáo 06 năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm” và bị cáo đang chấp hành bản án này. Do đó, cần áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự số 85/2020/HS-ST ngày 10, 16/9/2020 buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho 2 bản án là phù hợp.

[4] Về án phí: Bị cáo Trần Duy T và Huỳnh Dương Gia B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Bị cáo Cao Minh H không phải chịu án phí do được chấp nhận một phần kháng cáo.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 và Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Duy T, Huỳnh Dương Gia B. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2019/HSST ngày 29 tháng 9

năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về hình phạt đối với bị cáo Trần Duy T và Huỳnh Dương Gia B.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Cao Minh H. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2019/HSST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo Cao Minh H.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Duy T, Cao Minh H, Huỳnh Dương Gia B phạm tội “Buôn bán hàng cấm” và bị cáo Huỳnh Dương Gia B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Duy T 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Nhưng có khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 06 tháng 02 năm 2020 đến ngày 02 tháng 9 năm 2020.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Cao Minh H 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Huỳnh Dương Gia B 08 (tám) năm tù.

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Huỳnh Dương Gia B 01 (một) năm tù.

Áp dụng vào Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Buộc bị cáo Huỳnh Dương Gia B chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 09 (chín) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 85/2020/HS-ST ngày 10,16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L2 xử phạt bị cáo Huỳnh Dương Gia B 06 (sáu) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, buộc bị cáo Huỳnh Dương Gia B chấp hành hình phạt chung cho 2 bản án là 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2019.

2. Về án phí: Bị cáo Trần Duy T, Huỳnh Dương Gia B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Cao Minh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01b);
- VKSNDCC tại TPHCM (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (01b);
- Người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phụng